胡志明市臺灣學校
外籍生入學 報名程序

一、請詳閱簡章與報名表。

申請者請務必詳細閱讀招生簡章及報名表，了解相關規定與應備文件。

二、報名轉入學測驗:

報名截止日期:2025年8月11日(星期一)下午4時前:

請至教務處繳交紙本報名文件，同時完成繳費，始完成報名手續。

三、筆試與面試時間:

預計於2025年8月23日（星期六）上午舉行，確切時間將另行通知。請報名者留意後續通知。

四、錄取公告: 2025年8月27日（星期三）由教務處註冊組逕行寄發，並於校網公告。

若有疑義請逕洽教務處:

0913-920-676

E-Mail：chf-regis@tshcmc.edu.tw

越南胡志明市臺灣學校
Taipei School in Ho Chi Minh City

114學年度第二次
中、小學外籍生入學簡章

114學年度胡志明市臺灣學校招生委員會
中華民國114年7月15日

114學年度中、小學外籍生入學重要日程

項目	日期
報名	自公告日起至 2025年8月11日(星期一)下午4時
筆試/面試	2025年8月23日（星期六）上午 確切時間另行通知
錄取公告	2025年8月27日(星期三)12時前公告
報到日期	2025年8月28日(星期四)上午8時至12時

※注意:

1、 本日程表如有變動，以胡志明市臺灣學校官網公告為準。

2、 報名辦法請詳閱本簡章第三頁「參、報名辦法」。

3、 若有疑義請逕洽教務處電話：0913-920-676，(E-Mail：chf-regis@tshcmc.edu.tw)。

4、 網址：**https://www.tshcmc.edu.vn/**

5、 本校地址：

Lo S3, Khu A, Do Thi Moi, Nam TP, P.Tan Phu, Q7 TP.HCM

官網

FB粉絲頁

114學年度胡志明市臺灣學校第二次中、小學部外籍生入學簡章

壹、 依據:胡志明市臺灣學校新生入學要點

貳、 招生資格、對象及名額

一、 基本資格:

1. 持有越南護照以外之其他國籍護照之學生。
2. 以上同時持有越南政府有效簽證者。
3. 申請人就學年齡應符合中華民國教育部訂定之規範。
4. 申請人應檢附合法有效之學歷證件及歷年成績證明。
5. 申請人應詳實提供德行評量資料。

二、 招生對象:

1. 國小部：G1、G6。
2. 國中部：G9。
3. 高中部：G10、G11。

三、 招生名額：擇優錄取數名，若未達評估標準得以從缺。

參、報名辦法

一、報名時間:自公告日起至2025年8月11日(星期一)下午4時止。

二、報名地點：報名學生備齊相關報名文件，於簡章規定時間之上班日，親至本校教務處註冊組辦理繳件並至總務處出納組完成報名繳費後，始完成報名手續。

三、報名費用:200萬越南盾

四、報名程序：

(一)填寫報名表(附件一)，並檢附下列資料：

1. 護照、簽證證件影本。
2. 原學校最高學歷證明文件及歷年成績單正本(中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本)
3. 原學校之輔導資料(或素質成長手冊等)。
4. 原學校之獎懲及出缺勤證明正本(僅報考中學需繳交)。
5. 繳交一吋(3.5*2.8公分)脫帽正面半身光面相片二張。(背面書寫正楷中文姓名)

(二)繳驗報名資格學歷證件。

(三)繳交報名費用。

(四)建議報名時家長(或監護人)及學生一同到校辦理。

參、 辦理方式

一、筆試/面試日期：2025年8月23日（星期六）。

二、筆試/面試地點：胡志明市臺灣學校

三、筆試科目：

1、 國小部G1:不需筆試

2、 國小部G6:國語、數學(各科滿分100分)。

3、 中學(國中、高中)部G9-G11:國文、英文、數學(各科滿分100分)。

四、筆試範圍：以報考年段前一學習階段之國文、數學、英文程度為基準。

伍、成績錄取及通知：

一、 筆試及面試成績經綜合考評後，擇優錄取，若未達評估標準得以從缺。

二、錄取通知於2025年8月27日(星期三)前由教務處註冊組逕行寄發，並於校網公告。

陸、報到

一、報到日期:2025年8月28日(星期四)9:00-12:00，逾期未報到者視同放棄錄取資格。

二、報到地點:本校教務處

三、報到方式:攜帶身分證件及畢業證書正本至學校報到。

柒、注意事項

一、受理報名後，如經查證未符合報名規定者，不予錄取。

二、凡經本校錄取學生，未依規定完成註冊，取消其錄取資格。

附件一

胡志明市臺灣學校　114 學年度轉入學考報名表

PHIẾU ĐĂNG KÍ THI ĐẦU VÀO NĂM

原年級 LỚP ĐANG HỌC		原學校 TRƯỜNG ĐANG HỌC			
原就讀學校主要教學語言 Ngôn ngữ giảng dạy chính của trường đang học	☐中文拼音(Phiên âm)　☐中文注音(Chú âm)　☐英文(Tiếng Anh) ☐越文(Tiếng Việt)　☐其他語言(Ngôn ngữ khác)				
姓名 TÊN HỌC SINH			出生年月日 NGÀY SINH		
性別 GIỚI TÍNH			國籍 QUỐC TỊCH		
家長姓名 TÊN PHỤ HUYNH	父(Ba)： 母(Mẹ)：		國籍 QUỐC TỊCH	父(Ba)： 母(Mẹ)：	
家中使用語言 Ngôn ngữ thường dùng trong nhà			備註: Ghi Chú :		
越南聯絡電話 ĐIỆN THOẠI		郵箱 Hộp Thư			
報考年級 ĐĂNG KÍ THI	☐ 國小_____年級 TIỂU HỌC LỚP _____	☐ 國中_____年級 THCS LỚP _____	☐ 高中_____年級 THPT LỚP_____		

證件繳驗及繳費 (XÉT DUYỆT HỒ SƠ & PHÍ ĐĂNG KÍ)

考試結果將公告於校網 www.tshcmc.edu.vn

(Kết quả thi sẽ thông báo trên trang wed của trường)

考生護照 Hộ chiếu 、簽證 VISA	☐已交(Đã nộp)
原學校最高學歷證明文件及歷年成績單正本(中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本) Giấy xác nhận học lực cao nhất và bảng điểm gốc các năm học của trường (ngoài bảng điểm là tiếng Trung、Anh ra,các thứ tiếng khác xin đính kèm bảng dịch tiếng Trung hoặc Anh)	☐已交(Đã nộp)
出缺勤證明 (Bảng Chuyên Cần)	☐已交(Đã nộp)
獎懲資料 (Bảng đánh giá hạnh kiểm)	☐已交(Đã nộp)
個人輔導資料 (Bảng nhận xét phụ đạo cá nhân học sinh)	☐已交(Đã nộp)
一吋(3.5*2.8 公分)脫帽正面半身光面相片二張(背面書寫正楷中文姓名) Hình : 2 tấm (3.5cmX2.8cm) nhìn thẳng nữa người không đội mũ : (mặt sau ghi rõ họ tên bằng tiếng Trung)	☐已交(Đã nộp)
報名費 Phí đăng kí (2,000,000 VND 越盾)	☐已交(Đã nộp)
近一年多元表現證明，至多 3 件(無則免附) Bảng đánh giá về mọi mặt trong 1 năm nay, nhiều nhất 3 file (không cần kèm nếu không có)	☐有 có　☐無 Không